

Số: 130/2023/QĐST- DS

Đông Anh, ngày 26 tháng 6 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V).

Trụ sở: Số xx LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trịnh Thị Thanh H. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHCN- Khối KHCN Ngân hàng TMCP V (Theo Văn bản uỷ quyền số 26B/2022/UQ-CTHĐQT ngày 01/4/2022 của Chủ tịch Hội đồng

quản trị); Ông Phạm Tuấn A – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Vương Văn T – trưởng bộ phận xử lý nợ; Ông Nguyễn Thanh T, ông Lê Phúc L – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 528/2023/UQ-LCC- KHCNMB2 ngày 01/6/2023 của Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý Ngân hàng TMCP V).

Bị đơn: 1. Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1983.

2. Chị Dương Thị D, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1955.

2. Bà Dương Thị T1, sinh năm 1957.

3. Cháu Nguyễn Phi H, sinh năm 2010.

4. Cháu Nguyễn Thùy T2, sinh năm 2013.

5. Cháu Nguyễn Phương L, sinh năm 2014.

Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T, bà Dương Thị T1: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Có lời khai ủy quyền.

Người đại theo pháp luật của các cháu H, T2 và L là bố mẹ đẻ của các cháu: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1983; Chị Dương Thị D, sinh năm 1988; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2005152404618 ký ngày 26/5/2020:

- Số tiền vay: 700.000.000 (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng).

- Thời hạn vay: 120 tháng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn mở rộng/ phát triển kinh doanh.

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 13,3%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ 28/3/2020. Hết thời hạn một tháng mức lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất lần đầu tiên là ngày 28/6/2020, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/7/2020. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng: Mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 120 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,6%/năm.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ xấu quá hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

2. Hợp đồng cho vay số LN2101273346675 ký ngày 30/01/2021:

- Số tiền vay: 785.000.000 (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Thời hạn vay: 120 tháng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn mở rộng/ phát triển kinh doanh mua bán, sửa chữa vật tư thiết bị ô tô, xe máy.

- Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 8,99%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ 05/02/2021. Hết thời hạn 12 tháng mức lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất lần đầu tiên là ngày 05/02/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/4/2022. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng: Mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 120 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,5%/năm.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ xấu quá hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này

được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

3. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 10/02/2020:

- Số tiền vay: 157.500.000 đồng (Bằng chữ: một trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Theo quy định của V trong từng thời kỳ (38%/năm và được cố định trong suốt thời hạn vay).

- Lãi suất cho vay quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

4. Hợp đồng Thẻ tín dụng số 338-P-4763564 ngày 22/02/2019:

- Hạn mức thẻ: 35.000.000 đồng.

- Mục đích: Tiêu dùng.

- Loại thẻ: MC2 Credit Orange New.

- Lãi suất: Theo quy định V qua từng thời kỳ.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Mặc dù trong các Hợp đồng tín dụng trên có hợp đồng có thỏa thuận về tài sản bảo đảm và có hợp đồng không thỏa thuận nhưng trong Hợp đồng thế chấp mà anh Đức A và chị D ký kết với Ngân hàng có thỏa thuận về việc tài sản thế chấp sẽ đảm bảo cho toàn bộ các nghĩa vụ của anh chị với Ngân hàng phát sinh trước, trong và sau khi ký kết hợp đồng thế chấp nên Ngân hàng xác định các tài sản anh chị đã thế chấp cho Ngân hàng bảo đảm cho toàn bộ các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nói trên. Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xx-2, tờ bản đồ số xx, tại địa chỉ: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 209xxx, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS-ĐA 42634 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/3/2020, đứng tên Nguyễn Đức A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 18xx/2020, quyền số

02-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/5/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 30/01/2021 do Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội lập.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xx, tờ bản đồ số xx, tại địa chỉ: Thôn PL, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 959xxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00017.2012/516.QĐ.UBND.2012 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/3/2012, đứng tên Dương Thị D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 5xx/2021, quyền số 01-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2021 do Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội lập.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V nên toàn bộ các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 15/6/2023, Ngân hàng thương mại cổ phần V có Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 173-P-5389409 ký ngày 11/6/2020 đối với anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D nên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 173-P-5389409 ký ngày 11/6/2020.

Các đương sự thống nhất: Tính đến hết ngày 16/6/2023, anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D còn nợ Ngân hàng số tiền: 1.640.542.826 đồng (Một tỉ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng), cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 1.333.179.256 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 35.765.038 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 251.289.366 đồng.
- Phạt chậm trả: 20.318.166 đồng.

Cụ thể theo từng Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 10/02/2020:

- Nợ gốc: 71.896.082 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 13.199.368 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 41.101.049 đồng.
- Phạt chậm trả: 5.490.540 đồng.

Tổng cộng là: 131.687.039 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số LN2005152404618 ký ngày 26/5/2020:

- Nợ gốc: 567.866.976 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 11.422.496 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 103.859.827 đồng.
- Phạt chậm trả: 7.341.160 đồng.

Tổng cộng là: 690.490.459 đồng.

3. Hợp đồng cho vay số LN2101273346675 ký ngày 30/01/2021:

- Nợ gốc: 693.416.198 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 11.143.174 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 106.319.490 đồng.
- Phạt chậm trả: 7.486.466 đồng.

Tổng cộng là: 818.365.328 đồng.

Anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 16/6/2023 là: 1.640.542.826 đồng (Một tỉ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi sáu đồng). Anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D tiếp tục chịu nợ lãi trên số nợ gốc của từng Hợp đồng tín dụng: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 10/02/2020; Hợp đồng cho vay số LN2005152404618 ký ngày 26/5/2020; Hợp đồng cho vay số LN2101273346675 ký ngày 30/01/2021 theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong từng Hợp đồng tín dụng cho đến khi anh chị thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

Thời hạn thanh toán toàn bộ khoản nợ trên với Ngân hàng chậm nhất là ngày 16/8/2023. Nếu sau ngày 16/8/2023 mà anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ

của anh chị với Ngân hàng là:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xx-2, tờ bản đồ số xx, tại địa chỉ: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 209xxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS-ĐA 42634 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/3/2020, đứng tên Nguyễn Đức A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 18xx/2020, quyền số 02-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/5/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 30/01/2021 do Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội lập.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số xx, tờ bản đồ số xx, tại địa chỉ: Thôn PL, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 959xxx, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00017.2012/516.QĐ.UBND.2012 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 12/3/2012, đứng tên Dương Thị D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 5xx/2021, quyền số 01-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2021 do Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội lập.

Việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật

Về án phí dân sự sơ thẩm: 61.216.284 đồng (Sáu mươi một triệu, hai trăm mười sáu nghìn, hai trăm tám mươi tư đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 30.608.142$ đồng (Ba mươi triệu, sáu trăm linh tám nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức A và chị Dương Thị D phải nộp: 30.608.142 đồng (Ba mươi triệu, sáu trăm linh tám nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 28.646.000 đồng (Hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn

mười sáu nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0047xxx ngày 16/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh